

Số: 3260 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 30 tháng 12 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án  
“Đầu tư xây dựng Nhà máy Cơ khí thép Hoàng Đào”**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Cơ khí thép Hoàng Đào” họp ngày 15/11/2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 33/CV-THĐ ngày 30/11/2021 của Công ty TNHH Thép Hoàng Đào;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 615/TTr-STNMT ngày 07/12/2021.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Cơ khí thép Hoàng Đào” tại Khu công nghiệp Gia Lễ, huyện Đông Hưng của Công ty TNHH Thép Hoàng Đào (là Chủ dự án) với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Công ty TNHH Thép Hoàng Đào có trách nhiệm:

Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.



**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng, Giám đốc Công ty TNHH Thép Hoàng Đào chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *th*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT. *th*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lại Văn Hoàn**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

---

**1. Thông tin về dự án:**

- Tên Dự án: Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Cơ khí thép Hoàng Đào.
  - Chủ Dự án: Công ty TNHH Thép Hoàng Đào.
  - Địa chỉ trụ sở chính: Nhà ông Tuấn, thôn Long Bồi Đông, xã Đông Hợp, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
  - Địa điểm thực hiện dự án: lô F, KCN Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
  - Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:
    - + Sản xuất kết cấu thép: 1.400 tấn/năm;
    - + Sản xuất phụ kiện công nghiệp phụ trợ: 600 tấn/năm;
    - + Rút dây thép xây dựng: 900 tấn/năm;
    - + Sơn tĩnh điện: 600 tấn/năm.
  - + Cho thuê nhà xưởng sản xuất: 13.650 m<sup>2</sup> (cho thuê nhà xưởng để thực hiện dự án sản xuất có tính chất ngành nghề đảm bảo phù hợp với tính chất ngành nghề của khu công nghiệp Gia Lễ và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, của tỉnh về cho thuê nhà xưởng).
- Diện tích đất sử dụng 38.202,9 m<sup>2</sup>.
- Các hạng mục, công trình chính của dự án: Nhà xưởng sản xuất số 1 diện tích 3.528 m<sup>2</sup>; nhà xưởng sản xuất số 2 diện tích 3.780 m<sup>2</sup>; nhà xưởng sản xuất số 3 diện tích 4.935 m<sup>2</sup>; Nhà xưởng sản xuất số 4 diện tích 4.935 m<sup>2</sup>; nhà kho 3.600 m<sup>2</sup>; nhà điều hành 478,94m<sup>2</sup>.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:**

**2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:**

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển vật liệu và phương tiện thi công; nước thải sinh hoạt, chất thải của công nhân xây dựng; chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại; khí thải từ hoạt động của các máy móc thi công; tiếng ồn do hoạt động thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận tải ra vào dự án; bụi, khí thải phát sinh từ các quá trình sản xuất: sơn ướt, sơn tĩnh điện khô, khói hàn, phun bi, gia công cơ khí; nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên; nước thải sản xuất từ quá trình xử lý bề mặt trước khi sơn tĩnh điện; chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất; chất thải sinh hoạt; tiếng ồn; mùi từ hệ thống xử lý nước thải.

**2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:**

*A*

- Giai đoạn thi công xây dựng: Nước thải xây dựng khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải sinh hoạt khoảng 1,35 m<sup>3</sup>/ngày.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt khoảng 13,5 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt trước khi sơn tĩnh điện khoảng 18,4 m<sup>3</sup>/ngày.

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải, tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển vật liệu và phương tiện thi công.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận tải ra vào dự án; bụi, khí thải phát sinh từ các quá trình sản xuất: sơn ướt, sơn tĩnh điện khô, khói hàn, phun bi, gia công cơ khí; tiếng ồn; mùi từ hệ thống xử lý nước thải.

### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn xây dựng khoảng 0,6 tấn/ngày, chất thải rắn sinh hoạt 9kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 60 kg/ngày; chất thải rắn sản xuất (bụi từ quá trình phun bi 2.000kg/năm, phế thải kim loại 20.000 kg/năm); bùn cặn từ hệ thống thoát nước mưa khoảng 6 m<sup>3</sup>/năm.

### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Dầu thải, giẻ lau và chất thải nhiễm dầu khoảng 5 kg/ngày; cặn sơn thải, vỏ thùng sơn thải khoảng 10 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành: Bóng đèn, giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, than hoạt tính, bùn kim loại từ nạo vét hệ thống xử lý bề mặt trước khi sơn tĩnh điện... khoảng 2.129,5kg/năm; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải 300 kg/năm.

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Nước thải từ quá trình xây dựng sẽ được dẫn về bể lắng là bể nhựa HDPE di động sau đó được sử dụng để bơm lên hố móng để làm chặt móng hoặc phun ẩm bề mặt hạn chế bụi từ khu vực xây dựng; nước thải sinh hoạt sử dụng nhà vệ sinh hiện có.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại, sau đó theo hệ thống thoát nước thải đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Gia Lễ.

+ Nước thải sản xuất: Đầu tư hệ thống xử lý nước thải sơ bộ công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày đạt TCVN 5945:2005 cột C, đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Gia Lễ xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A giá trị C trước khi xả ra ngoài môi trường.

th

Các hạng mục công trình xử lý nước thải có kích thước (Dài x Rộng x Cao) (m): Bể thu gom và điều hòa (2x1x1,8); bể phản ứng gồm 2 bể HDPE thể tích mỗi bể 1,3m<sup>3</sup>; bể lắng kích thước (6x4x1,8), bể lọc gồm 8 bể kích thước mỗi bể (1x1x1,15); bể chứa và trung hòa nước thải (4x2x1,8); máy ép bùn.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phun nước làm ẩm đường, làm hàng rào, phủ bạt che chắn.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống xử lý khí thải khu vực phun sơn ướt: Hơi dung môi sơn → Tháp hấp phụ → Ống khói. Thông số hệ thống xử lý: 01 quạt hút công suất 10.000m<sup>3</sup>/h; 01 chụp hút; 01 tháp hấp phụ, kích thước Ø 1,030m, dài 1,630m; 01 ống khói cao 6m, Ø 0,3m.

+ Hệ thống xử lý bụi sơn tĩnh điện: Bụi sơn → Cyclon → Khoang lọc bụi → Ống khói. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu hồi bụi sơn: 01 quạt hút công suất 10.000 m<sup>3</sup>/h; 01 cyclon kích thước Ø1m, cao 4,015m; 01 khoang lọc bụi kích thước 2,200 x 1,700 x 1,500 (m); 01 ống khói cao 6m, Ø 0,3m.

+ Hệ thống xử lý bụi phun bi: Bụi → Cyclon tổ hợp → Ống khói. Kích thước, thông số hệ thống xử lý: 01 quạt hút công suất 18.000 m<sup>3</sup>/h; 02 cyclon, kích thước: Ø 2 m/cyclon, cao 3,5m/cyclon; 01 ống khói cao 3m, Ø 0,3m.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng: cát, đá, bê tông thừa được thu gom tái sử dụng để san lấp mặt bằng; vỏ bao xi măng, sắt vụn, bìa carton bán cho đơn vị thu mua phế liệu trong khu vực.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào các thùng đựng rác, sau đó nhà thầu sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom vận chuyển và xử lý.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Được phân loại, lưu giữ tại 01 khu diện tích 67,5 m<sup>2</sup> (đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại điểm A, phụ lục III, mục III Phụ lục ban hành kèm Nghị định 40/2019/NĐ-CP), hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có đủ chức năng.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, hợp đồng đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

### 3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Xây dựng khu lưu giữ tạm thời trên công trường, hợp đồng với đơn vị có năng lực vận chuyển, xử lý; vỏ thùng sơn trả lại nhà cung cấp.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ tại khu

lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 50 m<sup>2</sup> đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT; hợp đồng với đơn vị có năng lực vận chuyển, xử lý.

### 3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ máy móc thiết bị; tăng cường trồng cây xanh xung quanh khu vực hàng rào để giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn.

### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Trạm xử lý nước thải sản xuất: Công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày, nước thải đạt TCVN 5945:2005 Cột C trước khi đầu nối với trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- 01 hệ thống xử lý khí thải khu vực phun sơn ướt.

- 01 hệ thống xử lý bụi khu vực sơn tĩnh điện khô.

- 01 hệ thống xử lý bụi quá trình phun bi.

- Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường diện tích 67,5 m<sup>2</sup>, chất thải nguy hại diện tích 50 m<sup>2</sup>.

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

#### 5.1. Giám sát nước thải

Giám sát định kỳ: Theo hợp đồng đầu nối nước thải với đơn vị quản lý vận hành trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Gia Lễ.

- Vị trí quan trắc: 01 điểm nước thải sau xử lý tại hố thu gom trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Gia Lễ.

- Thông số quan trắc: Theo hợp đồng đầu nối nước thải.

#### 5.2. Giám sát khí thải

- Số điểm giám sát: 03 điểm.

- Vị trí:

+ 01 điểm trên thân ống khói hệ thống xử lý hơi dung môi. Thông số quan trắc: lưu lượng, VOCs (Benzen, Toluen, Xylen). Quy chuẩn so sánh: QCVN 20:2009/BTNMT.

+ 01 điểm trên thân ống khói hệ thống xử lý bụi phun bi, thông số quan trắc: Lưu lượng, bụi tổng. Quy chuẩn so sánh: Cột B QCVN 19:2009/BTNMT.

+ 01 điểm trên thân ống khói hệ thống xử lý bụi sơn tĩnh điện, thông số quan trắc: lưu lượng, bụi tổng. Quy chuẩn so sánh: Cột B QCVN 19:2009/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.3. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý. *PL*

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:**

- Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi bắt đầu vận hành thử nghiệm ít nhất 20 ngày làm việc.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi hết hạn thời gian vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật. *th*